

Số: 53 /2019/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu học phí đối với một số cơ sở giáo dục, đào tạo
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật giáo dục sửa đổi
ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc
hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học
tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Nghị định số 145/2018/NĐ-
CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 955/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy
định mức thu học phí đối với một số cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh
Quảng Bình; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân
dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với một số cơ sở giáo dục, đào
tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

1. Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công
lập năm học 2019 - 2020.

(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Mức thu học phí đối với các cơ sở đào tạo Cao đẳng, Trung cấp thuộc
tỉnh quản lý năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 - 2021.

(Chi tiết cụ thể được quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 7 năm 2019.

Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các nội dung quy định về mức thu học phí đào tạo Cao đẳng, Trung cấp năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021 tại Khoản 2 Điều 1 Nghị Quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học- Công báo tỉnh;
- Lưu: VP HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Quang



PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Nghị quyết số 53/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của
HĐND tỉnh Quảng Bình)

MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2019-2020

Đơn vị tính: đồng/tháng/học sinh

TT	Cấp học	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	Nhà trẻ	96.000	32.000	48.000
2	Mẫu giáo			
	- Không bán trú	64.000	24.000	40.000
	- Bán trú	96.000	32.000	48.000
3	Trung học cơ sở	72.000	16.000	40.000
4	Trung học phổ thông; Trung học phổ thông kỹ thuật	96.000	32.000	56.000
5	Trường Trung học phổ thông chuyên Võ Nguyên Giáp	144.000	48.000	84.000

1. Về chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí:

Chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

2. Về quy định khu vực:

- Khu vực 1: Các phường thuộc thành phố Đồng Hới;
- Khu vực 2: Các xã, thị trấn miền núi theo quy định của Chính phủ;
- Khu vực 3: Các xã, phường, thị trấn còn lại.

Các cơ sở giáo dục căn cứ hộ khẩu thường trú của cha mẹ và bản thân trẻ, học sinh để xác định khu vực và mức thu học phí đối với đối tượng phải nộp học phí theo quy định. Trường hợp trẻ, học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc có hộ khẩu thường trú không thuộc tỉnh Quảng Bình thì căn cứ vào hộ khẩu thường trú của người giám hộ để xác định khu vực và mức thu học phí.

3. Tỷ lệ để lại đơn vị thu: Cơ sở giáo dục công lập được để lại 100% học phí.

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Nghị quyết số 53/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của
HĐND tỉnh Quảng Bình)

MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP THUỘC TỈNH QUẢN LÝ

Đơn vị: đồng/tháng/sinh viên

TT	Trình độ, nhóm ngành Đào tạo	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
I	Cao đẳng		
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	630.000	680.000
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	750.000	830.000
II	Trung cấp		
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	550.000	600.000
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	640.000	700.000
3	Y dược	800.000	880.000

1. Về chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí:

Chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

2. Tỷ lệ để lại đơn vị thu: Cơ sở giáo dục công lập được để lại 100% học phí.